CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 158 ngày 17/3/2022
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng VP Cục
Sao

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/HSD/2022

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HSD

Địa chỉ: Thôn Duyên Linh, Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0901064471

Số điện thoại: 0392338659

Email: truongsonqk3@gmail.com

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **RONG BIỂN WAKAME ĐẬU HŨ KHÔ**

2. Thành phần: Rong biển Wakame khô, đậu hũ non khô, hành lá khô, chất làm rắn chắc [Calci lactat (INS 327)], chất chống oxy hóa [d-alpha-Tocopherol ( INS 307a)].

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm. (năm.tháng.ngày)

4. Khối lượng tịnh và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 100g/túi.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trực tiếp trong túi zip nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Nhật Bản

Nhà sản xuất: Nagatanien Co., Ltd.

Địa chỉ: 2-36-1, Nishi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Hưng Yên, ngày 12 tháng 03 năm 2022*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HSD

GIÁM ĐỐC

ĐÀO VĂN SƠN

**NHÃN PHỤ SẢN PHẨM**

**RONG BIỂN WAKAME ĐẬU HŨ KHÔ**

**1. Thành phần:** Rong biển Wakame khô, đậu hũ non khô, hành lá khô, chất làm rắn chắc [Calci lactat (INS 327)], chất chống oxy hóa [d-alpha-Tocopherol ( INS 307a)].

**2. Thời hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm. (năm.tháng.ngày)

**3. Khối lượng tịnh:** 100g/túi.

**4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- Hướng dẫn sử dụng: Nấu sôi nước dùng dashi, cho 1 ít nước ra chén để hoà tan miso, sau đó cho cả miso và cho nguyên liệu vào nồi (khoảng 1-3g cho 1 chén súp), đến khi nguyên liệu nở thì tắt bếp.
- Bảo quản: Vui lòng tránh ánh nắng trực tiếp, nhiệt độ cao và độ ẩm cao.

**5. Khuyến cáo, cảnh báo:**

- Sản phẩm có chứa thành phần và các chất tương đương đậu nành, những người có cơ địa dị ứng cẩn trọng khi sử dụng.
- Rong biển wakame được sử dụng trong sản phẩm này được thu thập trong môi trường sống của tôm và cua.

**6. Xuất xứ:** Nhật Bản

Nhà sản xuất: Nagatanien Co., Ltd.

Địa chỉ: 2-36-1, Nishi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo

**7. Nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm chất lượng sản phẩm:**

Thương nhân: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HSD

Địa chỉ: Thôn Duyên Linh, Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**Số TCB:** 04/HSD/2022

# HÌNH ẢNH SẢN PHẨM

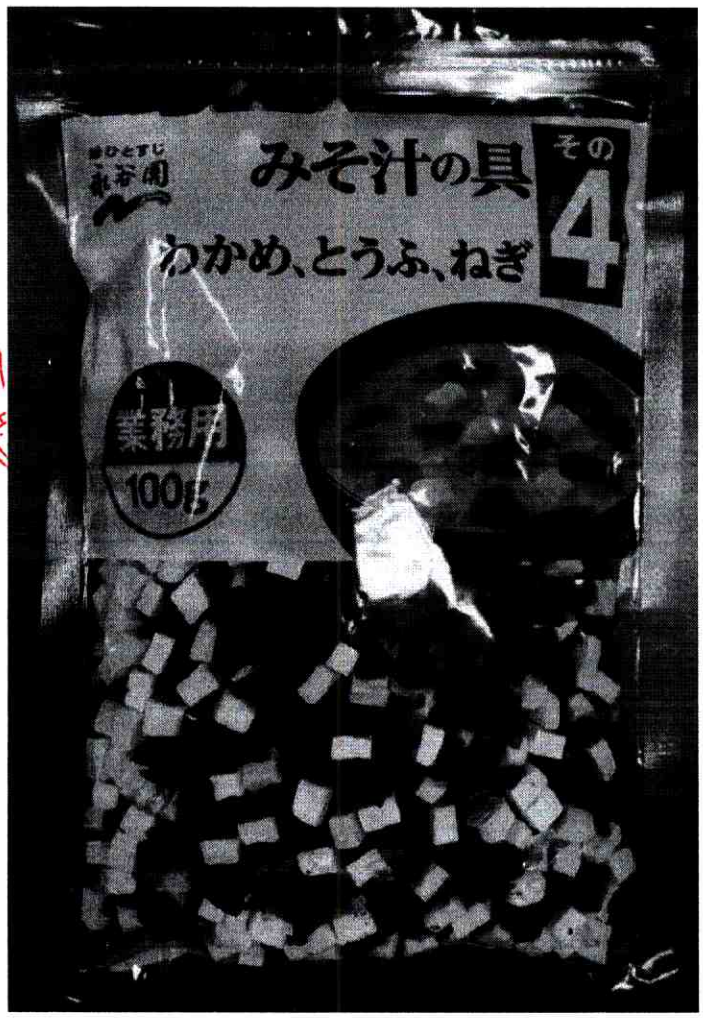

TRANSLATION
BẢN DỊCH

# DỊCH NHÃN SẢN PHẨM

**Aji Hitoshi Nagatanien** | **Nguyên liệu súp Miso Wakame rong biển, đậu hũ, hành lá** | **Phần 4**

**Dành cho doanh nghiệp**
**100g**

Súp Miso cho doanh nghiệp sử dụng 100g Phần 4
Khẩu phần ước tính: Vui lòng sử dụng 1g sản phẩm này trực tiếp trong súp miso. Một túi 100g cho khoảng 100 phần ăn.

| | |
|---|---|
| Tên sản phẩm | Nguyên liệu súp miso |
| Thành phần | Rong biển Wakame khô, đậu hũ non khô, hành lá khô, chất làm rắn chắc (Calci lactat), chất chống oxy hóa [d-alpha-Tocopherol. (bao gồm một số đậu nành). |
| Khối lượng | 100g |
| Hạn sử dụng | Được mô tả ở phía dưới bên phải của bề mặt này |
| Phương pháp bảo quản | Vui lòng tránh ánh nắng trực tiếp, nhiệt độ cao và độ ẩm cao |
| Nhà phân phối | Nagatanien Co., Ltd.<br>T105-8448<br>2-36-1 Nishi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo |
| Ký hiệu dành riêng cho nhà máy được liệt kê bên cạnh ngày hết hạn. | |

**<Đối với những người bị dị ứng thực phẩm>**
Chất gây dị ứng được sử dụng trong sản phẩm này (Nguyên liệu thô cụ thể và các chất tương đương đậu nành)

● Rong biển wakame được sử dụng trong sản phẩm này được thu thập trong môi trường sống của tôm và cua.

**Cảnh báo: Hãy chú ý đến vết cắt.**
Sau khi mở, đóng khóa kéo và cất giữ, tiêu thụ càng sớm càng tốt.

Nhãn thông tin dinh dưỡng: 100g đúng

| | |
|---|---|
| Năng lượng | 333kcal |
| Protein | 24.1g |
| Chất béo | 8.5g |
| Cacbohydrat | 39.9g |
| Muối tương đương | 17.0g |

(Giá trị ước tính)

Văn phòng Dịch vụ Khách hàng 0120 (919) 454
9:00 ~ 17:00 (không tính thứ 7, chủ nhật và ngày lễ)

Hạn sử dụng (chưa mở ở nhiệt độ phòng)
30.10.2022/ +SN

CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ VÀ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP
NEW GLOBAL
TỪ GIẤY - T.P

Tôi: Đoàn Thu Phương, CMND số: 012727955, cấp ngày 13/07/2011 tại công an Hà Nội, cam đoan đã dịch chính xác, phù hợp nội dung văn bản đính kèm từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt.**

Ngày: 14/03/2022

**Người dịch**

Phương

*Đoàn Thu Phương*

**CHỨNG THỰC CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DỊCH THUẬT CHUYÊN NGHIỆP NEW GLOBAL**

Chứng thực bà Đoàn Thu Phương, CMND số: 012727955, cấp ngày 13/07/2011 tại công an Hà Nội, là nhân viên của công ty, đã dịch chính xác, phù hợp nội dung văn bản đính kèm từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt.**

Ngày: 14/03/2022

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO**

Trang/ *Page No*: 1/2

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: TSL3220300092-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HSD**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Thôn Duyên Linh, Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 07/03/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 07/03/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 12/03/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **RONG BIỂN WAKAME ĐẬU HŨ KHÔ**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

| **STT**/ *No.* | **Chỉ Tiêu Thử Nghiệm**/ *Testing Analysis(s)* | **Kết Quả**/ *Result (s)* | **Đơn Vị**/ *Unit* | **GHPH**/ *LOD* | **Phương Pháp Thử**/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | $8.5 \times 10^3$ | CFU/g | - | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) |
| 2 | Coliforms (*) / Coliforms (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) |
| 3 | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) |
| 4 | Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | AOAC 975.55 |
| 5 | Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) |
| 6 | Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | AOAC 980.31 |
| 7 | Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008) |
| 8 | Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.003 | TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015)) |
| 9 | Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.007 | TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015)) |



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*



Mã số/ *Ref. No*: TSL3220300092-1

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | GHPH/ *LOD* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.003 | TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015)) |
| 11 | Aflatoxin $B_1$ (*) / Aflatoxin $B_1$ (*) | Không phát hiện/ Not Detected | µg/kg | 0.45 | TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014) |
| 12 | Aflatoxin (tổng $B_1$,$B_2$,$G_1$,$G_2$) (*) / Aflatoxin ( sum of $B_1$,$B_2$,$G_1$,$G_2$) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | µg/kg | 0.45 | TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014) |
| 13 | Ochratoxin A / Ochratoxin A | Không phát hiện/ Not Detected | µg/kg | 1 | TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009) |

**Chú thích/ *Remarks***:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**
**DIRECTOR**

M.S.C.N: 0314212615-004-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

**NGUYỄN MINH NHỰT**



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*